

UBND HUYỆN MƯỜNG NHÉ  
**TRƯỜNG PTDTBT THCS HUỖI LÉCH**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
Số:38/BC – THCS ngày 28 tháng 6 năm 2025

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tên trường:** Trường PTDTBT THCS Huỗi Léch.
- Địa chỉ:** Bản Huỗi Léch, xã Mường Toong, tỉnh Điện Biên.  
Số điện thoại: 0966266494.
- Địa chỉ thư điện tử: thcshuoilech2016@gmail.com
- Trang thông tin điện tử: <https://thcshuoilech.muongnhe.edu.vn>.
- Loại hình:** Công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:**

**Sứ mạng:** "Giáo dục và rèn luyện học sinh trở thành những công dân tương lai: mạnh về thể chất, sáng về trí tuệ, giàu có về tâm hồn, có kỹ năng sống tốt, biết tự học, có tinh thần trách nhiệm và nỗ lực sáng tạo không ngừng"

**Tầm nhìn:** Đến năm 2030, Trường PTDTBT THCS Huỗi Léch đạt chuẩn Quốc gia mức 1.

**Mục tiêu:**

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Duy trì các tiêu chuẩn của trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

**7. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.**

Trường PTDT BT THCS Huỗi Léch, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên được thành lập từ tháng 5 năm 2016 theo quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2016 của ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé.

Trong những năm học qua, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Hằng năm, nhà trường được khen cao trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị: Cờ thi đua tỉnh, Bằng khen UBND tỉnh, giấy khen các cấp.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng Quy định của Điều lệ trường trung học. Các tổ chức Đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được thành lập theo đúng quy định hiện hành.

Ban giám hiệu nhà trường có kinh nghiệm trong công tác quản lý, tâm huyết

với nghề, năng động, nhiệt tình, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh. Hằng năm đều được đánh giá xếp loại Khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng.

Đội ngũ giáo viên trong nhà trường tuy chưa đủ về số lượng nhưng đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Chất lượng giảng dạy của giáo viên khá đồng đều.

Cơ sở vật chất nhà trường được xây dựng khang trang, sạch đẹp, có 10 phòng học đủ cho học 2 buổi trên ngày, có 11 phòng bộ môn và các phòng làm việc theo quy định.

Trong những năm vừa qua, chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh luôn đảm bảo. Các tổ chức đoàn thể, ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường hoạt động có hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục đạo đức học sinh, công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm, góp phần tăng cường cơ sở vật chất, đặc biệt hiệu quả trong công tác khuyến học, phổ cập giáo dục.

#### **8. Thông tin người đại pháp luật:**

Họ và tên: Phạm Văn Trữ

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Bản Huổi Lếch, xã Mường Toong, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0966266494

Địa chỉ thư điện tử: phamtru82@gmail.com

#### **9. Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sát nhập, chia tách, cho phép hoạt động giáo dục.

Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2016 của ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc thành lập trường PTDT BT THCS Huổi Lếch.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường.

Quyết định số 269/QĐ – UBND ngày 05/03/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé công nhận Hội đồng trường của các trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS, trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 1927/QĐ – UBND ngày 05/08/2024 của UBND huyện Mường Nhé về Điều chỉnh bổ sung thành viên Hội đồng trường các trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS, trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS, nhiệm kỳ 2021-2026;

Quyết định số 2097/QĐ – UBND ngày 6/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc Điều chỉnh, bổ sung Chủ tịch hội đồng trường các trường PTDTBT THCS, PTDTBT Tiểu học và THCS nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Danh sách các thành viên trong Hội đồng trường

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chức danh</b>
1	Lương Trung Toàn	Phó Hiệu trưởng phụ trách	Chủ tịch

2	Mào Thị Thảo	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thứ ký
3	Lò Thị Hiền	Phó chủ tịch UBND xã	Ủy viên
4	Vi Văn Lương	Phó hiệu trưởng	Ủy viên
5	Bùi Văn Nam	Bí thư Đoàn TNCSHCM	Ủy viên
6	Giàng Thị Pàng	Tổ trưởng tổ BMC	Ủy viên

**c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;**

Quyết định số 818/QĐ – UBND ngày 22/05/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc bổ nhiệm viên chức cán bộ quản lý đối với ông Phạm Văn Trử.

Quyết định số 1164/QĐ – UBND ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc bổ nhiệm viên chức cán bộ quản lý đối với ông Lương Trung Toàn.

Quyết định số 1163/QĐ – UBND ngày 07/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé về việc bổ nhiệm viên chức cán bộ quản lý đối với ông Vi Văn Lương

**d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường, sơ đồ bộ máy.**

Quyết định số 02/QĐ – THCS ngày 07/09/2024 của Hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Huổi Lếch về việc ban hành nội quy cơ quan của trường PTDTBT THCS Huổi Lếch năm học 2024 - 2025

Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của nhà trường được quy định tại điều 3 điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư 32/2020/TT-BGD&ĐT ra ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo, quy định chức năng quyền hạn của Hiệu trưởng;

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

#### **10. Các văn bản khác của nhà trường:**

Kế hoạch số 43/KH – THCS ngày 13 tháng 04 năm 2021 của hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Huổi Léch, kế hoạch chiến lược phát triển trường PTDTBT THCS Huổi Léch giai đoạn 2021 – 2025 tầm nhìn năm 2030

Quyết định số 115/QĐ – THCS ngày 20 tháng 08 năm 2024 của hiệu trưởng trường PTDTBT THCS Huổi Léch, về việc ban hành quy chế dân chủ năm học 2024 – 2025.

Nghị quyết số 125/NQ – THCS ngày 28 tháng 8 năm 2024 nghị quyết Hội đồng trường PTDTBT THCS Huổi Léch năm học 2024 – 2025.

Quyết định số 01/QĐ – THCSHL ngày 5/01/2025 của trường PTDTBT THCS Huổi Léch về ban hành quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ năm 2025.

Quyết định số 56/QĐ – THCS ngày 29/08/2024 quyết định về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên của trường PTDTBT THCS Huổi Léch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 – 2026.

Kế hoạch số 127/KH-THCS ngày 28/08/2024 về việc bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường PTDTBT THCS Huổi Léch năm học 2024 – 2025.

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.**

**1) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;**

<b>TT</b>	<b>VỊ TRÍ VIỆC LÀM</b>	<b>Số lượng</b>
<b>I</b>	<b>Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý</b>	<b>3</b>
1	Hiệu trưởng	1
2	Phó Hiệu trưởng	2
<b>II</b>	<b>Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành</b>	<b>11</b>
1	Giáo viên THCS hạng I	0

2	Giáo viên THCS hạng II	0
3	Giáo viên THCS hạng III	11
4	Thiết bị, thí nghiệm	0
5	Giáo vụ	0
6	Tư vấn học sinh	0
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0
<b>III</b>	<b>Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung</b>	<b>1</b>
1	Thư viện	0
2	Quản trị công sở	0
3	Văn thư	0
4	Thủ quỹ	0
5	Kế toán	1
<b>IV</b>	<b>Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ</b>	<b>8</b>
1	Y tế học đường	1
2	Nhân viên Bảo vệ	1
3	Nhân viên Phục vụ	0
4	Nhân viên nấu ăn	6
	<b>Cộng (I+II=III+IV)</b>	<b>23</b>

**2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.**

TT	Vị trí	Tổng số	Đạt chuẩn	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	3	100%
2	Giáo viên	11	11	100%

**3) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.**

TT	Vị trí	Tổng số	HT BDHN	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	3	100%
2	Giáo viên	11	11	100%
3	Nhân viên	9	9	100%

### **III. CƠ SỞ VẬT CHẤT.**

**1) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;**

Tổng diện tích toàn trường 7268 m<sup>2</sup>

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh bằng 21,7m<sup>2</sup> đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định

**2) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;**

Nhà trường có đủ phòng học để thực hiện học 2 buổi trên ngày.

Hiện toàn trường có 10 phòng học (10 phòng học kiên cố); 04 phòng học bộ môn (Tin học, Tiếng anh, KHTN, Công nghệ); 14 phòng bán trú; 04 phòng làm việc cho văn phòng, Ban giám hiệu; 01 phòng Thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 phòng y tế học đường; 01 phòng hội đồng; 01 Nhà ăn cho học sinh bán trú; 01 Nhà bếp; 03 khu vệ sinh. Hệ thống cây xanh được phân bố khoa học, tạo bóng mát, cảnh quan phù hợp, hài hoà với khuôn viên nhà trường.

Hệ thống điện lưới bố trí trong khuôn viên được kiểm tra định kỳ, thường xuyên, đảm bảo an toàn khi sử dụng điện và phòng cháy nổ.

Số thiết bị phục vụ quản lý giáo dục: Máy phô tô: 02, tăng âm - loa đài: 01 bộ, camera: 01 bộ, thiết bị phục vụ họp trực tuyến: 01 bộ.

**3) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;**

Trong năm học 2024-2025 nhà trường đã được trang cấp thiết bị dạy học tối thiểu cho các khối lớp từ 6 đến 9 với số lượng 01 bộ/ khối lớp. So với quy định mới đảm bảo được 50% nhu cầu

**4) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt bởi quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/05/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 và bổ sung sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tỉnh Điện Biên từ năm 2024 – 2025.

TT	Tên sách	Tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	

2	Toán 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	
3	Tiếng Anh 9 English Discovery	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Nguyễn Thu Hiền.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	Khoa học tự nhiên 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp TLICS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mỹ thuật 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trương Triều Dương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9 Định hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên), Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

11	Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Giáo dục thể chất 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên); Trần Thị Thu (Chủ biên); Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh 6 <i>I-Learn Smart World</i>	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**1) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;**

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục chưa đạt.

Kế hoạch thực hiện lộ trình kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia. Kế hoạch số 26/KH-THCS ngày 15/02/2024

**2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.**

Chưa đánh giá

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025.

**1) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;**

Kết quả tuyển sinh:

STT	Chỉ tiêu		Thực hiện		Tỷ lệ % so với chỉ tiêu
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	
1	3	92	3	92	100%

Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật;

Lớp	Số lớp	Số học sinh	Học sinh/lớp	2 buổi/ngày	Nam	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Chuyển đi	Chuyển đến
6	3	97	32,3	97	52	47	97	2	0	0
7	2	75	37,5	75	44	31	75	0	0	0
8	2	81	40,5	81	35	46	81	2	0	0
9	2	56	28	56	28	28	56	1	0	0
Tổng	9	309	34,3	309	159	150	309	5	0	0

**2) Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thông kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;**

Kết quả đánh giá rèn luyện:

Tốt: 258/309 bằng 83,5%, Khá: 49/309 bằng 15,9%, Đạt: 2/309 bằng 0,6%, Chưa đạt: 0

Kết quả học tập:

Tốt: 2/309 bằng 0,6%, Khá: 33/309 bằng 10,7%, Đạt: 274/309 bằng 88,7%, Chưa đạt: 0

Tỷ lệ chuyển lớp đạt 99,4%, Tỷ lệ tốt nghiệp 57/58 đạt 98,3%

Kết quả tuyển sinh vào 10: điểm trung bình 2,90 xếp thứ 112/123 trường trong toàn tỉnh.

Tỷ lệ chuyển lớp đạt 100%,

**3) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.**

Tỷ lệ tốt nghiệp 55/56 đạt 98,2% ( 01 học sinh chưa đủ tuổi xét tốt nghiệp)

Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; 22/56 bằng 39,3%.

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (SO SÁNH VỚI NĂM LIỀN KÈ)**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và

hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Nhà trường chỉ có nguồn thu từ ngân sách nhà nước.

Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước năm 2024 là 6.114.245.000 đ so với năm 2023 là 5.545.657.050 đ tăng 568.587.950 đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Chi lương và các khoản chi khác năm 2024 là 4.175.073.000 đ so với năm 2023 là 3.493.973.550 đ giảm 681.099.450 đ

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Tổng chi năm 2024 là 1.939.172.000 đ so với năm 2023 là 2.051.683.500 đ giảm 112.511.500 đ

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù không có

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.**

### **1. Chất lượng đội ngũ giáo viên**

Giáo viên dạy giỏi các cấp: cấp huyện 2 đồng chí, cấp trường 5 đồng chí.

### **2. Chất lượng giáo dục học sinh giỏi**

Đã có học sinh tham gia các kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9, các môn Olympic lớp 6,7,8 nhưng kết quả chưa cao.

### **3. Kết quả tham gia các hoạt động phong trào**

Tham gia Hội thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng huyện Mường Nhé năm 2025 đạt 01 giải C

### **4) Công tác phổ cập giáo dục THCS**

Kiểm tra công nhận đạt chuẩn, duy trì chuẩn Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ kết quả Phổ cập GD THCS đạt chuẩn mức độ 3.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phạm Văn Trử**